

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 137/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Với thành phần HĐXX xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Nhân

Bà Trương Thị Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Dân – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 665/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 777/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số: 865/TB-TA ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Chung P** sinh năm 1982; trú tại: **Số nhà H T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định**, vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Đặng Quốc N** sinh năm 1979; trú tại: **Số nhà H T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị **Trần Thị Chung P** trình bày: Tìm hiểu một thời gian, chị và anh **Đặng Quốc N** tự nguyện xác lập cuộc sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại **UBND xã N**

năm 2001. Sau khi cưới vợ chồng ở chung nhà cha mẹ chồng được 01 năm cha mẹ chồng cho đất xây dựng một ngôi nhà tạo cuộc sống riêng. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn, tính tình không hợp dẫn đến xung đột kinh cãi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng nên tháng 7/2019 vợ chồng chấm dứt cuộc sống chung đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh **N** nên yêu cầu được ly hôn.

Chị và anh **N** có 02 người con chung tên **Đặng Thanh N1** sinh ngày 28/12/2002, **Đặng Trần Bách N2** sinh ngày 28/12/2011. Cháu **Đặng Thanh N1** đang thực hiện nghĩa vụ quân sự, còn cháu **N2** đang ở với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu **N2** và không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Đặng Quốc N** đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh **Đặng Quốc N** không đến Tòa để tham gia tố tụng nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán trong quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ các trình tự tố tụng đúng theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng chị **Trần Thị Chung P** và anh **Đặng Quốc N** đã trầm trọng, đã ly thân với nhau từ năm 2019. Vợ chồng không hàn gắn được nên cho chị **P** ly hôn với anh **N**. Con chung có 02 người **Đặng Thanh N1** đã trưởng thành, còn cháu **Đặng Trần Bách N2** sinh ngày 28/11/2011 giao cho chị **P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh **N** không phải cấp dưỡng vì chị **P** không yêu cầu. Tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị **Trần Thị Chung P** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Đặng Quốc N** đang cư trú tại **thị xã A, tỉnh Bình Định** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và

hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên Tòa đúng theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng anh **Đặng Quốc N** không tham gia tố tụng. Anh **Đặng Quốc N** đã vi phạm về nghĩa vụ của đương sự được quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị **Trần Thị Chung P** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **Đặng Quốc N** vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị **P** và anh **N**.

[3] Chị **Trần Thị Chung P** và anh **Đặng Quốc N** tự nguyện đăng ký kết tại UBND xã **N** năm 2001 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[4] Theo lời khai của chị **Trần Thị Chung P** thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh **N** thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện gây sự, đánh đập chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, không thể hàn gắn nên tháng 7/2019 hai người tự nguyện chấm dứt cuộc sống chung. Xác minh mức độ mâu thuẫn giữa chị **Trần Thị Chung P** và anh **Đặng Quốc N** được gia đình anh **N** cung cấp: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn có một phần do anh **N** uống rượu về kiếm chuyện gây sự, kinh cãi. Năm 2020, anh **N** vào thành phố Hồ Chí Minh làm thuê kiếm sống vào những dịp cúng giỗ, lễ tết về thăm gia đình. Mặc khác, trước Tết nguyên đán anh **N** yêu cầu chị **P** đưa sổ đỏ thế chấp ngân hàng vay vốn mua mai bán tết nhưng chị **P** không đưa nên phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy mức độ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **P** - anh **N** đã thật sự trầm trọng. Nhiều lần Tòa án mời anh **N** tham dự các phiên hòa giải nhưng anh không đến. Điều này chứng minh anh **N** không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc. Do đó yêu cầu ly hôn của chị **P** là có cơ sở chấp nhận.

[5] Chị **Trần Thị Chung P** và anh **Đặng Quốc N** có 02 người con chung tên **Đặng Thanh N1** sinh ngày 28/12/2002, **Đặng Trần Bách N2** sinh ngày 28/12/2011. Cháu **Đặng Thanh N1** đang thực hiện nghĩa vụ quân sự, còn cháu **N2** hiện chị **P** đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy từ tháng 7/2019 cho đến nay cháu **N2** do chị **P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đã quen với môi trường học tập, sinh hoạt và phù hợp với nguyện vọng của cháu **N2** được ở với chị **P** nên tiếp tục giao cháu **N2** cho chị **P** nuôi dưỡng là phù hợp. Chị **P** không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[6] Tài sản chung: Các bên không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình: Chị **Trần Thị Chung P** phải chịu 300.000 đồng.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Chung P** được ly hôn với anh **Đặng Quốc N**

2. *Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:*

2.1. Giao cho chị **Trần Thị Chung P** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đặng Trần Bách N2** sinh ngày 28/12/2011

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Trần Thị Chung P** không yêu cầu anh **Đặng Quốc N** cấp dưỡng nuôi cháu **N2**.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình:* Chị **Trần Thị Chung P** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005249 ngày 30/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn An;
- Lưu HSVA, VP

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Quang